

XU HƯỚNG NGHIÊN CỨU DU LỊCH TÁI TẠO: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH CHO VIỆT NAM

● ĐỖ HỒNG ĐÀI

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Email: daidh@hiu.vn

TÓM TẮT:

Bài viết này tổng quan và phân tích các xu hướng nghiên cứu du lịch tái tạo (Regenerative Tourism) trên thế giới giai đoạn 2019 - 2024, làm rõ cơ sở lý luận nền tảng bao gồm tư duy hệ thống sống (living systems thinking), tiếp cận dựa trên địa điểm (place-based approach), sự tham gia của cộng đồng và tạo ra hiệu ứng tích cực thuần (net positive effects). Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một mô hình ứng dụng du lịch tái tạo phù hợp với bối cảnh Việt Nam - một quốc gia sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa phong phú nhưng đang đối mặt với áp lực phát triển du lịch thiếu bền vững. Kết quả nghiên cứu đóng góp vào cơ sở lý thuyết và gợi mở định hướng chính sách cho các nhà quản lý du lịch Việt Nam trong việc xây dựng ngành Du lịch có tính tái tạo, hướng tới phát triển toàn diện và lâu dài.

Từ khóa: du lịch tái tạo, hệ thống sống, phát triển bền vững, mô hình du lịch.

1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, ngành du lịch toàn cầu đã trải qua sự tăng trưởng vượt bậc về quy mô và tốc độ, song cũng kéo theo những hệ lụy nghiêm trọng đối với môi trường tự nhiên, văn hóa bản địa và các cộng đồng địa phương. Mặc dù du lịch bền vững đã được đề xướng như một giải pháp tích cực từ những năm 1990, song mô hình này ngày càng bộc lộ những hạn chế khi chỉ dừng lại ở mục tiêu “giảm thiểu tác hại” thay vì chủ động tái tạo và phục hồi hệ sinh thái (Dredge, 2022).

Khái niệm du lịch tái tạo (Regenerative Tourism - RT) xuất hiện như một phản hồi trực tiếp trước những thất bại của tư duy phát triển du lịch truyền thống. Được tiên phong bởi Anna Pollock và nhóm thực hành Regenesys vào đầu thập niên 2010, du lịch tái tạo không chỉ hướng tới việc duy trì những gì đang có mà còn tích cực khơi dậy tiềm năng vốn có của địa điểm, cộng đồng và hệ sinh thái (Bellato & Pollock, 2023). Khác với du lịch bền vững vốn tập trung vào việc giảm thiểu tác động tiêu cực, du lịch tái tạo theo đuổi mục tiêu tạo ra “hiệu ứng

thuần dương” (net positive effects) cho toàn bộ hệ thống sinh thái - xã hội - văn hóa tại điểm đến (Bellato et al., 2022).

Tại Việt Nam, du lịch đang được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, với tốc độ phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19 và nhiều tín hiệu tăng trưởng khả quan trong giai đoạn 2023-2025. Tuy nhiên, sức ép khai thác du lịch tại các điểm đến nổi tiếng như vịnh Hạ Long, phố cổ Hội An, đảo Phú Quốc, hay khu vực Tây Bắc ngày càng gia tăng, đặt ra nguy cơ suy thoái tài nguyên và làm mất đi bản sắc văn hóa địa phương (Nguyen Xuan Khanh, 2024). Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu và ứng dụng du lịch tái tạo vào thực tiễn Việt Nam vừa cấp thiết, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài.

Bài viết này hướng đến 3 mục tiêu chính: (1) Tổng quan và phân tích các xu hướng nghiên cứu du lịch tái tạo trên thế giới từ 2019 đến 2024; (2) Hệ thống hóa cơ sở lý luận của du lịch tái tạo, bao gồm các trụ cột lý thuyết cốt lõi và các nguyên tắc thực hành; (3) Đề xuất mô hình ứng dụng du lịch tái tạo phù hợp với bối cảnh phát triển du lịch Việt Nam.

2. Cơ sở nghiên cứu

2.1. Sự hình thành và phát triển của khái niệm du lịch tái tạo

Du lịch tái tạo có nguồn gốc từ phong trào phát triển tái tạo (regenerative development) rộng lớn hơn, bắt nguồn từ nông nghiệp tái tạo, kiến trúc sinh thái và triết học về các hệ thống sống. Những ý tưởng tiên phong về học hỏi từ thiên nhiên và thiết kế theo nguyên tắc hệ thống sống đã được đặt nền móng bởi các công trình của Janine Benyus (1997) về sinh phỏng tự nhiên (biomimicry) và Donella Meadows (2008) về tư duy hệ thống (Sheldon, 2022).

Trong lĩnh vực du lịch, những ứng dụng đầu tiên theo tư duy tái tạo được ghi nhận vào giai đoạn 2006-2007, khi nhóm Regenesys triển khai thí điểm tiếp cận phát triển tái tạo trong các dự án du lịch (Bellato & Pollock, 2023). Anna Pollock, người sáng lập Conscious Travel, là một trong những nhà tư tưởng tiên phong nhất trong việc hệ thống hóa và phổ biến khái niệm du lịch tái tạo, đặc biệt thông qua các ấn phẩm từ năm 2012 đến 2019. Theo Pollock (2019), du lịch tái tạo nhìn nhận nền kinh

tế du lịch không phải như một dây chuyền sản xuất công nghiệp mà là một hệ thống sống, được kết nối trong mạng lưới, gắn liền với thiên nhiên và tuân theo các quy luật vận hành của tự nhiên.

Bước ngoặt quan trọng trong học thuật xảy ra vào giai đoạn 2020-2021 khi nhiều nhà nghiên cứu du lịch hàng đầu thế giới như Ateljevic (2020), Cave & Dredge (2020), Cheer (2020) bắt đầu nhìn nhận du lịch tái tạo như một hướng tiếp cận thay thế đầy tiềm năng. Đại dịch COVID-19 đã tạo ra một “khoảng dừng” bắt buộc nhưng cũng là cơ hội để ngành du lịch toàn cầu tái cơ cấu theo hướng có trách nhiệm hơn và du lịch tái tạo trở thành một trong những khung tư duy được bàn luận sôi nổi nhất trong giai đoạn này.

2.2. Xu hướng nghiên cứu du lịch tái tạo giai đoạn 2019-2024

Theo đánh giá của Bellato & Pollock (2023), số lượng công bố khoa học về du lịch tái tạo đã tăng trưởng theo hàm mũ sau năm 2020, với sự đa dạng về góc độ tiếp cận, từ lý thuyết hệ thống, nhân học, địa lý du lịch cho đến kinh tế chính trị. Có thể phân loại các xu hướng nghiên cứu chính thành các nhóm sau:

Thứ nhất, xu hướng xây dựng và làm rõ khung lý thuyết. Bellato và cộng sự (2022, 2023) đã phát triển khung khái niệm toàn diện nhất về du lịch tái tạo cho đến nay, đề xuất 5 chiều kích thiết kế (design dimensions) và 7 nguyên tắc thực hành (practice principles) dựa trên việc tham khảo thực tiễn và phân tích lý thuyết chuyên sâu. Đây được coi là công trình đặt nền tảng học thuật vững chắc nhất cho lĩnh vực này.

Thứ hai, xu hướng nghiên cứu về sự chuyển đổi tư duy. Dredge (2022) và một số tác giả khác tập trung phân tích các rào cản tâm lý và tư duy trong quá trình chuyển đổi từ mô hình du lịch truyền thống sang du lịch tái tạo. Những nghiên cứu này nhấn mạnh để thực hành du lịch tái tạo đích thực, cần có sự thay đổi căn bản trong thế giới quan (worldview) của tất cả các bên liên quan, từ nhà quản lý đến doanh nghiệp và du khách.

Thứ ba, xu hướng nghiên cứu các trường hợp thực tiễn và kiến nghị chính sách. Nhiều công trình giai đoạn 2022-2024 đã ứng dụng khung du

lịch tái tạo vào các nghiên cứu trường hợp cụ thể, điển hình như trường hợp York (Anh) trong phục hồi hậu đại dịch (Paddison & Hall, 2024), các vùng rượu vang ở Úc (Pearson et al., 2024), hay các cộng đồng du lịch nông thôn ở Tây Ban Nha (Becken, 2022). Những nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm về tính khả thi và hiệu quả của tiếp cận tái tạo.

Thứ tư, xu hướng nghiên cứu liên ngành và mở rộng phạm vi. Gần đây, du lịch tái tạo bắt đầu được kết hợp với các lĩnh vực mới như du lịch thực tế ảo (Liu & Hao, 2024), tinh thần khởi nghiệp xã hội (Gerke et al., 2023), hay quản trị điểm đến số. Điều này cho thấy sức lan tỏa và tính thích ứng của khung tư duy tái tạo trong bối cảnh du lịch hiện đại (Dredge, 2022).

Theo phân tích tổng quan của Bellato & Pollock (2023), mặc dù số lượng công bố về du lịch tái tạo tăng mạnh, vẫn tồn tại một tỷ lệ đáng kể các bài viết “nhận diện” (recognition papers), tức là chỉ đề cập đến khái niệm mà không bổ sung giá trị lý luận mới. Điều này cho thấy, nguy cơ du lịch tái tạo có thể trở thành một thuật ngữ thời thượng (buzzword) nếu thiếu nền tảng nghiên cứu chắc chắn và ứng dụng thực chất.

2.3. So sánh du lịch tái tạo với du lịch bền vững

Để hiểu rõ bản chất của du lịch tái tạo, cần đặt trong tương quan so sánh với du lịch bền vững - mô hình đã được áp dụng rộng rãi trong nhiều thập kỷ qua. Về mặt triết học, du lịch bền vững xuất phát từ tư duy “giảm thiểu thiệt hại” (do less harm), trong khi du lịch tái tạo hướng tới “tạo ra lợi ích thuần dương” (create net positive outcomes) (Becken & Kaur, 2022).

Becken và Kaur (2022) đã xây dựng một khung so sánh hệ thống, trong đó du lịch truyền thống được mô tả là mang tính phân mảnh và tập trung vào tối đa hóa lợi ích cho con người; du lịch bền vững hướng đến cân bằng tam giác kinh tế - xã hội - môi trường nhưng vẫn trong khuôn khổ tăng trưởng công nghiệp; còn du lịch tái tạo thực sự xem địa điểm và cộng đồng là hệ thống sống, đặt mục tiêu phục hồi và nâng cao năng lực tự phục hồi của toàn hệ thống.

Một điểm khác biệt quan trọng nữa là cách nhìn nhận về cộng đồng địa phương. Trong du lịch bền vững, cộng đồng thường được xem là một trong những bên thụ hưởng lợi ích từ du lịch. Trong du lịch tái tạo, cộng đồng địa phương là trung tâm và là chủ thể chính quyết định hướng đi, tốc độ và bản chất của sự phát triển du lịch tại địa phương (Pollock, 2019). Điều này đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực tham gia và tính tự chủ của cộng đồng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, cụ thể là tổng quan tài liệu có hệ thống (systematic literature review) kết hợp với phân tích lý thuyết và tổng hợp chủ đề (thematic synthesis). Quy trình nghiên cứu được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1 - Tìm kiếm và sàng lọc tài liệu: Tác giả tiến hành tìm kiếm tài liệu trên các cơ sở dữ liệu khoa học uy tín, bao gồm Scopus, Web of Science, Google Scholar, với các từ khóa kết hợp: “regenerative tourism”, “regenerative development”, “living systems tourism”, “net positive tourism”, “place-based tourism”, “community-centred tourism”. Phạm vi thời gian từ năm 2019 đến năm 2024; ưu tiên các bài viết được bình duyệt trên các tạp chí du lịch quốc tế uy tín.

Bước 2 - Phân tích và mã hóa nội dung: Sau khi sàng lọc, tác giả đã chọn 75 tài liệu phù hợp nhất để phân tích chuyên sâu. Nội dung các tài liệu được mã hóa theo các chủ đề lớn, bao gồm: (1) định nghĩa và khái niệm hóa; (2) cơ sở lý luận và lý thuyết nền tảng; (3) nguyên tắc và thực hành; (4) nghiên cứu trường hợp và ứng dụng; (5) thách thức và hạn chế.

Bước 3 - Tổng hợp và đề xuất mô hình: Từ kết quả phân tích, tác giả tổng hợp cơ sở lý luận cốt lõi và kiến tạo mô hình ứng dụng cho Việt Nam, dựa trên sự đối chiếu giữa đặc điểm lý thuyết du lịch tái tạo và bối cảnh tài nguyên, chính sách, cũng như thực tiễn phát triển du lịch tại Việt Nam.

4. Kết luận và thảo luận

4.1. Cơ sở lý luận của du lịch tái tạo

4.1.1. Tư duy hệ thống sống (Living Systems Thinking)

Nền tảng lý luận sâu xa nhất của du lịch tái tạo là tư duy hệ thống sống, bắt nguồn từ sinh học hệ thống và sinh thái học. Tư duy này nhìn nhận mọi thực thể, bao gồm một địa phương, một cộng đồng, một hệ sinh thái - là những hệ thống sống động, luôn tương tác, tự tổ chức và tiến hóa. Việc áp dụng tư duy này vào du lịch có nghĩa là coi điểm đến không phải là một “sản phẩm” để bán mà là một hệ thống sống cần được chăm sóc và nuôi dưỡng (Sheldon, 2022).

Bellato và cộng sự (2022) đã khái niệm hóa “hệ thống sống du lịch” (Tourism Living System - TLS), trong đó các bên liên quan đến du lịch (du khách, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, chính quyền) được xem là các thành phần tương tác trong một hệ thống sinh thái mở. Không có bên nào có thể vận hành độc lập, sự thiếu vắng của bất kỳ vai trò nào của bên liên quan cũng có thể dẫn đến suy thoái toàn hệ thống (Bellato et al., 2023). Đây là sự khác biệt căn bản so với mô hình du lịch công nghiệp truyền thống, vốn xem các bên như những chủ thể trao đổi giao dịch riêng lẻ.

Vai trò “quản lý địa phương” (Stewarding) là một trong những đặc trưng nổi bật của hệ thống du lịch sinh thái. Những người quản lý địa phương, có thể là cư dân, doanh nghiệp bản địa hay tổ chức cộng đồng đặt mình ở trung tâm hệ thống, bảo vệ, phục hồi và tái tạo địa điểm và cộng đồng, từ tinh thần gắn kết sâu sắc với nơi chốn (Bellato et al., 2022).

4.1.2. Tiếp cận dựa trên địa điểm (Place-based Approach)

Du lịch tái tạo coi địa điểm (place) là nền tảng của mọi hoạt động và chiến lược phát triển. Khác với quan niệm “địa điểm” thuần túy về mặt địa lý hay kinh tế trong du lịch truyền thống, du lịch tái tạo nhìn nhận địa điểm như một thực thể sống có bản sắc riêng biệt, được tạo nên bởi lịch sử, văn hóa, hệ sinh thái, con người và mạng lưới quan hệ đặc thù (Pollock, 2019).

Theo Pollock (2019), “tinh thần của một địa điểm không thể được định nghĩa mà chỉ có thể được biểu đạt; chỉ có thể được sống và chia sẻ bởi những người coi nơi đó là nhà”. Điều này đặt ra yêu cầu

mỗi chiến lược du lịch tái tạo phải được xây dựng từ bên trong, khởi phát từ sự am hiểu sâu sắc về địa phương thay vì áp dụng những công thức hay mô hình có sẵn từ nơi khác.

Tiếp cận dựa trên địa điểm cũng có nghĩa là tôn trọng và phát huy tri thức địa phương, bao gồm tri thức bản địa của các cộng đồng dân tộc thiểu số và trí tuệ truyền thống trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Bellato và cộng sự (2023) nhấn mạnh du lịch tái tạo thực sự phải bao gồm cả việc giải thuộc địa hóa (decolonization) tri thức, nghĩa là thừa nhận và đặt ngang hàng tri thức bản địa với tri thức khoa học phương Tây.

4.1.3. Sự tham gia cộng đồng và trao quyền (Community Centricism)

Cộng đồng địa phương ở trung tâm của du lịch tái tạo không chỉ là người hưởng lợi mà còn là chủ thể định hình và quyết định toàn bộ quá trình phát triển du lịch. Điều này đòi hỏi một sự chuyển đổi cơ bản từ mô hình “tư vấn cộng đồng” sang “đồng sáng tạo với cộng đồng” (Paddison & Hall, 2024).

Trong thực tế, điều này có nghĩa là cộng đồng phải có tiếng nói thực chất trong việc xác định: bao nhiêu du khách là phù hợp, loại hình du lịch nào phù hợp với giá trị cộng đồng, thời điểm nào phù hợp để đón khách, và những khu vực nào nên được bảo tồn nguyên vẹn, không phát triển du lịch. Đây là những câu hỏi cơ bản mà trong mô hình du lịch truyền thống thường do chính quyền hoặc doanh nghiệp bên ngoài quyết định.

Paddison & Hall (2024) đã chỉ ra một trong những rào cản lớn nhất trong việc thực hành du lịch tái tạo tại các điểm đến đang phát triển chính là sự thiếu hụt năng lực thể chế và kỹ năng của cộng đồng địa phương để thực sự đảm nhận vai trò lãnh đạo trong phát triển du lịch. Điều này đặt ra nhu cầu đầu tư mạnh mẽ vào phát triển năng lực cộng đồng như một phần không thể tách rời của chiến lược du lịch tái tạo (Pearson et al., 2024).

4.1.4. Hiệu ứng tích cực thuần và tư duy hệ thống tổng thể

Một trong những đặc trưng phân biệt quan trọng nhất của du lịch tái tạo là mục tiêu tạo ra “hiệu ứng tích cực thuần” (net positive effects) thay vì chỉ

giảm thiểu tác động tiêu cực. Điều này có nghĩa là khi chuyển đi kết thúc, điểm đến, bao gồm hệ sinh thái, cộng đồng, văn hóa và kinh tế địa phương phải ở trong tình trạng tốt hơn so với trước khi có du lịch (Becken & Kaur, 2022).

Để đạt được hiệu ứng này, du lịch tái tạo áp dụng tư duy hệ thống tổng thể (holistic systems thinking) cách nhìn không phân tách các yếu tố kinh tế, xã hội, sinh thái mà xem chúng là những phần của một hệ thống thống nhất, tương tác lẫn nhau. Becken (2020) nhấn mạnh “tất cả đều có liên kết với nhau, và du lịch không tôn trọng hay hiểu được các vòng phản hồi trong hệ thống nơi nó hoạt động sẽ cuối cùng xói mòn vốn tài nguyên”.

Trong thực hành, tư duy hệ thống tổng thể yêu cầu các điểm đến du lịch phải xây dựng các chỉ số đo lường vượt ra ngoài GDP hay lượng khách hướng tới việc đo lường sức khỏe của hệ sinh thái, chất lượng sống cộng đồng, sự bảo tồn văn hóa và mức độ trao quyền cho cộng đồng địa phương. Điển hình như Bhutan sử dụng chỉ số Tổng Hạnh phúc Quốc gia (GNH) hay New Zealand với Khung Tiêu chuẩn Sống (Becken, 2022).

4.2. Khung lý thuyết tổng hợp cho du lịch tái tạo

Trên cơ sở tổng quan và phân tích các công trình nghiên cứu, tác giả tổng hợp được khung lý thuyết du lịch tái tạo với 4 trụ cột cốt lõi:

Trụ cột 1 - Thế giới quan sinh thái (Ecological Worldview): Du lịch tái tạo xuất phát từ nhận thức thấy con người là một phần của thiên nhiên, không đứng trên hay tách rời. Điều này đòi hỏi sự chuyển đổi sâu sắc trong thế giới quan, từ chủ nghĩa nhân bản trung tâm (anthropocentrism) sang quan điểm sinh thái học (ecocentrism).

Trụ cột 2 - Địa điểm như hệ thống sống (Place as Living System): Mỗi điểm đến được tiếp cận như một hệ thống sống độc đáo với bản sắc, lịch sử, sinh thái và cộng đồng riêng. Mọi chiến lược phát triển phải xuất phát từ sự am hiểu sâu sắc về địa điểm đó.

Trụ cột 3 - Hợp tác đa bên có ý nghĩa (Meaningful Multi-stakeholder Collaboration): Không có chủ thể đơn lẻ nào có thể tự mình kiến tạo du lịch tái tạo. Sự hợp tác thực sự và sâu sắc giữa cộng đồng, doanh nghiệp, chính quyền và du khách là điều kiện tiên quyết.

Trụ cột 4 - Tác động tích cực toàn diện (Comprehensive Net Positive Impact): Mục tiêu tối thượng là du lịch phải để lại dấu ấn tích cực và lâu dài trên tất cả các chiều kích sinh thái, văn hóa, xã hội và kinh tế của điểm đến và cộng đồng.

4.3. Thực tiễn du lịch Việt Nam và cơ hội ứng dụng mô hình tái tạo

Việt Nam là quốc gia sở hữu nền tảng tài nguyên đặc biệt thuận lợi cho phát triển du lịch tái tạo: 8 di sản thế giới được UNESCO công nhận, đa dạng sinh học phong phú, 54 dân tộc anh em với kho tàng văn hóa bản địa đa dạng và hệ sinh thái rừng - biển - đồng bằng phong phú. Những tài nguyên này tạo nền tảng “địa điểm sống” (living place) lý tưởng cho thực hành du lịch tái tạo (Nguyen Xuan Khanh, 2024).

Tuy nhiên, du lịch Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu vận hành theo mô hình công nghiệp tập trung vào số lượng khách và tăng trưởng doanh thu. Các điểm đến như Vịnh Hạ Long, Hội An, Sapa đang đối mặt với tình trạng quá tải du khách, ô nhiễm môi trường và sự xói mòn bản sắc văn hóa. Nghiên cứu của Nguyễn (2024) về phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam chỉ ra cân bằng giữa phát triển kinh tế và quản lý tài nguyên bền vững tại các trung tâm du lịch ven biển và đô thị vẫn còn nhiều bất cập (Nguyen Xuan Khanh, 2024).

Tuy vậy, cũng đã xuất hiện những tín hiệu tích cực. Nhiều mô hình du lịch cộng đồng tại vùng nông thôn và dân tộc thiểu số như ở Hà Giang, Điện Biên, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã và đang áp dụng các yếu tố tiệm cận với tư duy tái tạo: trao quyền cho cộng đồng bản địa, bảo tồn sinh kế truyền thống, duy trì quan hệ hài hòa với thiên nhiên. Những thực hành này là nền tảng thực tiễn quý báu để xây dựng mô hình du lịch tái tạo bài bản hơn cho Việt Nam.

Tại cấp độ chính sách, Chính phủ Việt Nam đã xác định du lịch xanh, du lịch bền vững là định hướng phát triển chiến lược. Phó Thủ tướng Mai Văn Chính tại Hội chợ Du lịch Quốc tế TP. Hồ Chí Minh lần thứ 19 đã nhấn mạnh cần “vượt ra ngoài tăng trưởng bằng mọi giá để hướng tới phát triển bền vững, coi du lịch không chỉ là ngành dịch vụ, mà còn là nền kinh tế sáng tạo kết nối văn hóa, môi

trường và kinh doanh” (VietnamPlus, 2025). Đây là một điểm tương đồng quan trọng với triết lý du lịch tái tạo, mở ra không gian chính sách thuận lợi để đưa tư duy tái tạo vào quản lý và phát triển du lịch tại Việt Nam.

4.4. Đề xuất mô hình du lịch tái tạo cho Việt Nam

Dựa trên cơ sở lý luận du lịch tái tạo và phân tích bối cảnh thực tiễn Việt Nam, tác giả đề xuất Mô hình Du lịch Tái tạo Việt Nam (Vietnam Regenerative Tourism Model - VRTM) với cấu trúc 5 thành phần cốt lõi, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau:

Thành phần 1: Nhận diện và nuôi dưỡng bản sắc địa điểm (Place Identity Recognition). Mỗi điểm đến du lịch cần tiến hành một quá trình “điền dã địa điểm”, tức là tìm hiểu sâu sắc về lịch sử, sinh thái, văn hóa và con người của địa phương. Bản sắc địa điểm không phải là sản phẩm quảng bá mà là nền tảng để xây dựng tất cả các trải nghiệm du lịch. Đối với Việt Nam, điều này có nghĩa là mỗi tỉnh, vùng cần có “hồ sơ bản sắc địa điểm” được xây dựng dựa trên sự tham gia của cư dân địa phương, không phải do các chuyên gia bên ngoài áp đặt.

Thành phần 2: Trao quyền và phát triển năng lực cộng đồng (Community Empowerment). Cộng đồng địa phương - bao gồm cả các nhóm dân tộc thiểu số - phải được trao quyền thực chất trong việc quyết định chính sách và quản lý du lịch tại địa phương. Điều này bao gồm: xây dựng cơ chế tham gia cộng đồng trong quy hoạch du lịch; đào tạo năng lực quản lý và kinh doanh du lịch cho người dân địa phương; đảm bảo lợi ích kinh tế từ du lịch được phân phối công bằng trong cộng đồng; và thiết lập quyền của cộng đồng trong việc từ chối hoặc giới hạn các dự án du lịch không phù hợp.

Thành phần 3: Phục hồi và tái tạo hệ sinh thái (Ecosystem Regeneration). Du lịch không chỉ phải bảo tồn hệ sinh thái, mà còn phải tích cực góp phần phục hồi các hệ sinh thái đã suy thoái. Các hoạt động du lịch sinh thái phải được thiết kế để du khách trở thành người đồng hành trong các dự án phục hồi rừng, rạn san hô, đất ngập nước hoặc bảo tồn đa dạng sinh học. Điều này biến trải nghiệm du lịch thành một trải nghiệm có ý nghĩa và mang lại những đóng góp thực chất.

Thành phần 4: Hợp tác đa bên liên ngành (Multi-sector Partnership). Mô hình du lịch tái tạo đòi hỏi sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa các ngành: du lịch, nông nghiệp, văn hóa, khoa học công nghệ và giáo dục. Tại Việt Nam, điều này có thể được thể hiện qua: du lịch nông nghiệp tái tạo gắn với bảo tồn giống cây bản địa; du lịch văn hóa tái tạo gắn với bảo tồn nghề thủ công truyền thống; du lịch giáo dục gắn với chương trình học từ thiên nhiên dành cho học sinh.

Thành phần 5: Đo lường và học hỏi không ngừng (Adaptive Measurement & Learning). Du lịch tái tạo cần một hệ thống đo lường kết quả vượt ra ngoài các chỉ số kinh tế thông thường. Đề xuất bộ chỉ số tích hợp cho du lịch tái tạo Việt Nam bao gồm: chỉ số sức khỏe hệ sinh thái (tình trạng đa dạng sinh học, chất lượng nước, độ che phủ rừng); chỉ số phúc lợi cộng đồng (thu nhập, sức khỏe, giáo dục, mức độ hài lòng với du lịch); chỉ số bảo tồn văn hóa (tỷ lệ người biết nghề truyền thống, số lượng ngôn ngữ bản địa còn được sử dụng); và chỉ số trao quyền cộng đồng (mức độ tham gia ra quyết định, tỷ lệ doanh nghiệp du lịch thuộc sở hữu địa phương).

5. Kết luận và kiến nghị

Du lịch tái tạo không phải là một xu hướng nhất thời hay một thuật ngữ thời thượng, đây là một sự chuyển đổi căn bản trong cách chúng ta hiểu và thực hành du lịch. Tổng quan các nghiên cứu từ năm 2019 đến năm 2024 cho thấy, du lịch tái tạo đang ngày càng được củng cố về cơ sở lý luận, đồng thời mở rộng phạm vi ứng dụng trong nhiều bối cảnh địa lý, văn hóa và xã hội khác nhau trên thế giới.

Với 4 trụ cột lý luận cốt lõi: tư duy hệ thống sống, tiếp cận dựa trên địa điểm, cộng đồng là trung tâm và tạo ra hiệu ứng tích cực thuần, tạo nên một khung tham chiếu vừa có chiều sâu triết học vừa có tính ứng dụng thực tiễn. Đây là nền tảng để xây dựng các mô hình du lịch có khả năng thực sự phục hồi và nâng cao năng lực của các hệ thống sinh thái - xã hội - văn hóa tại điểm đến.

Đối với Việt Nam, mô hình du lịch tái tạo VRTM mà bài viết đề xuất cần được hiểu như một định

hướng chiến lược dài hạn, không phải là một giải pháp nhanh chóng. 5 thành phần cốt lõi của VRTM, nhận diện bản sắc địa điểm, trao quyền cộng đồng, phục hồi hệ sinh thái, hợp tác đa bên và đo lường thích ứng, cần được triển khai đồng bộ và kiên trì trong nhiều năm. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị cụ thể:

Thứ nhất, Tổng cục Du lịch Việt Nam cần sớm xây dựng bộ tiêu chí và hướng dẫn thực hành du lịch tái tạo phù hợp với bối cảnh Việt Nam;

Thứ hai, các cơ sở đào tạo du lịch cần đưa các nội dung về tư duy hệ thống sống và du lịch tái tạo vào chương trình giảng dạy;

Thứ ba, cần có các chương trình thí điểm (pilot programs) du lịch tái tạo tại một số điểm đến có

điều kiện thuận lợi, ưu tiên các địa phương có cộng đồng dân tộc thiểu số đang quản lý tài nguyên thiên nhiên theo phương thức truyền thống;

Thứ tư, cần đầu tư nghiên cứu học thuật trong nước về du lịch tái tạo, xây dựng đội ngũ chuyên gia Việt Nam có năng lực tư vấn và đồng hành với các điểm đến trong hành trình chuyển đổi sang mô hình tái tạo.

Với những tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và con người đặc sắc, Việt Nam hoàn toàn có tiềm năng trở thành một hình mẫu du lịch tái tạo tại Đông Nam Á - không phải bằng cách sao chép các mô hình phương Tây mà bằng cách xây dựng con đường tái tạo riêng của mình, bắt nguồn từ chính bản sắc và tri thức địa phương phong phú của đất nước■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ateljevic I. (2020). Transforming the (tourism) world for good and (re)generating the potential “new normal”. *Tourism Geographies*, 22(3), 467-475. <https://doi.org/10.1080/14616688.2020.1759134>.
- Becken S. (2022). Regenerative tourism: Conceptual foundations. *Tourism Geographies*, 24(2-3), 198-201.
- Becken S., & Kaur J. (2022). A typology for assessing the sustainability trajectory of tourism products and experiences using a socio-ecological systems framework. *Journal of Sustainable Tourism*, 30(12), 2770-2787. <https://doi.org/10.1080/09669582.2021.1992409>.
- Bellato L., & Pollock A. (2023). Regenerative tourism: A state-of-the-art review. *Tourism Geographies*, 26(3), 558-567. <https://doi.org/10.1080/14616688.2023.2294366>.
- Bellato L., Frantzeskaki N., Briceño Fiebig C. et al. (2022). Transformative roles in tourism: Adopting living systems' thinking for regenerative futures. *Journal of Tourism Futures*, 8(3), 312-329. <https://doi.org/10.1108/JTF-11-2021-0256>.
- Bellato L., Frantzeskaki N., & Nygaard C. A. (2023). Regenerative tourism: A conceptual framework leveraging theory and practice. *Tourism Geographies*, 25(4), 1026-1046. <https://doi.org/10.1080/14616688.2022.2044376>.
- Bellato L., Frantzeskaki N., Briceño Fiebig C. Et al. (2024). Regenerative development approaches involving tourism: Insights derived from place. *Tourism Planning & Development*, 21(6), 960-980.
- Benyus J. M. (1997). Biomimicry: Innovation inspired by nature. William Morrow.
- Cave J., & Dredge D. (2020). Regenerative tourism needs diverse economic practices. *Tourism Geographies*, 22(3), 503-513. <https://doi.org/10.1080/14616688.2020.1768434>.
- Cheer J. M. (2020). Human flourishing, tourism transformation and COVID-19: A conceptual touchstone. *Tourism Geographies*, 22(3), 514-524. <https://doi.org/10.1080/14616688.2020.1765016>.
- Dredge D. (2022). Mindset shift: The key challenge for regenerative tourism. *Tourism Geographies*, 24(4-5), 511-528.
- Gerke M., Adams M., Ooi C.-S., & Dahles H. (2023). Entrepreneurship for regenerative tourism: Doing business differently in Tasmania's regional hospitality industry. *Journal of Sustainable Tourism*, 32(10), 2113-2131. <https://doi.org/10.1080/09669582.2023.2273757>.
- Higgins-Desbiolles F. (2022). The war over tourism: Challenges to sustainable tourism in the tourism academy after COVID-19. *Journal of Sustainable Tourism*, 29(4), 551-569. <https://doi.org/10.1080/09669582.2020.1803334>.
- Liu S., & Hao F. (2024). Metaverse and regenerative tourism: The role of avatars in promoting sustainable practices. *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 29(7), 791-806. <https://doi.org/10.1080/10941665.2024.2350401>.

Meadows D. H. (2008). Thinking in systems: A primer. Chelsea Green Publishing.

Nguyen Xuan Khanh. (2024). Sustainable tourism development in Vietnam: Current challenges, government initiatives and pathways for long-term sustainability. *International Journal of Humanities, Social Sciences and Education*, 11(11), 99-104. <https://www.arcjournals.org/pdfs/ijhsse/v11-i11/8.pdf>

Paddison B., & Hall J. (2024). Regenerative tourism development as a response to crisis: Harnessing practice-led approaches. *Tourism Geographies*, 27(1), 1-22. <https://doi.org/10.1080/14616688.2024.2381071>.

Pearson R. E., Bardsley D. K., & Pütz M. (2024). Regenerative tourism in Australian wine regions. *Tourism Geographies*, 27(2), 1-23. <https://doi.org/10.1080/14616688.2024.2356736>.

Pollock A. (2019). Regenerative tourism: The natural maturation of sustainability. *Conscious Travel / Medium*. <https://medium.com/activate-the-future/regenerative-tourism-the-natural-maturation-of-sustainability-26e6507d0fcb>.

Sheldon, P. J. (2022). The coming-of-age of tourism: Embracing new economic models. *Journal of Tourism Futures*, 8(2), 200-207. <https://doi.org/10.1108/JTF-03-2021-0057>.

VNA (2025). World Tourism Day: Vietnam advances green, sustainable tourism. *VietnamPlus*. Available at <https://en.vietnamplus.vn/world-tourism-day-vietnam-advances-green-sustainable-tourism-post327304.vnp>.

Ngày nhận bài: 05/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/6/2026

TRENDS IN REGENERATIVE TOURISM RESEARCH: THEORETICAL FOUNDATIONS AND MODEL PROPOSAL FOR VIETNAM

● DO HONG DAI

Hong Bang International University

Email: daidh@hiu.vn

ABSTRACT:

Regenerative tourism has emerged as a transformative approach in the global tourism sector, going beyond the traditional framework of sustainable tourism. This study reviews and analyzes research trends in regenerative tourism worldwide from 2019 to 2024, clarifying its theoretical foundations, including living systems thinking, place-based approaches, community participation, and the creation of net positive effects. Based on this analysis, the study proposes a regenerative tourism model suitable for the Vietnamese context, a country rich in natural and cultural resources yet facing pressures from unsustainable tourism development. The findings contribute to the theoretical foundation and provide policy directions for tourism management in Vietnam toward comprehensive and long-term development.

Keywords: regenerative tourism, living systems, sustainable development, tourism model